



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 50 (11/12-15/12/23)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán thuộc danh mục
MarketVector Vietnam Local Index, FTSE Vietnam Index
Quý 4 năm 2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh nhịp rũ tuần ETF cơ cấu để tích lũy cổ phiếu*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán thuộc danh mục MarketVector Vietnam Local Index, FTSE Vietnam Index Quý 4 năm 2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV đã bơm ròng 15 nghìn tỷ đồng trong tuần*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tích lũy tích cực trên SMA200 và chờ cơ hội đồng thuận để bứt phá cản*
5. TIN VĨ MÔ: *Tăng trưởng tín dụng đến 30/11 đạt 9.15%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ +6.91%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Canh nhịp rũ tuần ETF cơ cấu để tích lũy cổ phiếu*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1124.44	2.02%
GTGD/phiên (tỷ VND)	20,879.87	59.89%
Khối ngoại (tỷ VND)	-3954.02	
HNX-INDEX	231.20	2.18%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2579.84	68.41%
Khối ngoại (tỷ VND)	-72.90	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4604.37	0.41%	0.21%	4.28%
EU (EURO STOXX)	4523.31	1.11%	2.37%	7.77%
China (SHCOMP)	2969.56	0.11%	-2.05%	-2.28%
Japan (NIKKEI)	32307.86	-1.68%	-3.36%	-0.80%
Korea (KOSPI)	2517.85	1.03%	0.51%	4.49%
Singapore (STI)	3110.73	1.19%	0.66%	0.13%
Thailand (SET)	1380.99	0.16%	0.05%	-0.62%
Phillipines (PCOMP)	6234.77	0.00%	-0.17%	1.18%
Malaysia (KLCI)	1441.97	-0.06%	-0.99%	-0.22%
Indonesia (JCI)	7159.60	0.35%	1.41%	5.14%
Vietnam (VNIndex)	1124.44	0.26%	2.02%	2.07%

TTCK VIỆT NAM

Bắt đáy tích cực vùng giá thấp trong tuần khối ngoại đẩy mạnh bán ròng

Diễn biến giằng co, phiên tăng giảm xen kẽ lặp lại trong tuần. Lực cầu bắt đáy vùng giá thấp giúp VN-Index giữ vững đà tăng hơn 2% với thanh khoản tăng 56% so tuần trước. Thị trường hồi phục trên diện rộng cùng 70% cổ phiếu và 16/18 ngành tăng điểm bất chấp khối ngoại có tuần bán ròng mạnh hơn 144 triệu USD. Dòng tiền tăng trưởng đẩy những nhóm ngành đã điều chỉnh hoặc chưa bắt kịp xu hướng thị trường như Bán lẻ, Xây dựng & VLXD, Dịch vụ tài chính tăng trên 4%. Ngành Y tế, hàng cá nhân và gia dụng là 2 ngành duy nhất giảm nhẹ. Khối ngoại tăng cường bán ròng và các ETFs sẽ tiến hành cơ cấu danh mục trong tuần tới có thể tạo nên những phiên rung lắc và biến động khó lường trong ngắn hạn. NĐT có thể cân nhắc tăng tỷ trọng cổ phiếu khi canh mua ở vùng giá thấp cho hoạt động đầu tư ngắn và trung hạn.

Theo SBV, Doanh số cho vay hệ thống đạt 17.6 triệu tỷ cuối tháng 11, và có thể đạt 19 triệu tỷ so với trong năm 2023. Tăng trưởng tín dụng đạt 9.15% đến tháng 11, lãi suất huy động và cho vay đã giảm bình quân 2-3% so với năm 2023. Thông tư 02 về cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ đang được SBV nghiên cứu và trình Chính phủ kéo dài thời gian hiệu lực cho phù hợp thực tế. Ngoài ra SBV đang rà soát các văn bản quy phạm dựa trên nguyên tắc tháo gỡ khó khăn nhưng quản lý chặt chẽ rủi ro và đảm bảo an toàn hệ thống. Thay đổi mới trong cấp hạn mức tín dụng, sửa đổi các thông tư hiện hành sẽ giúp tăng trưởng tín dụng cải thiện trong năm 2014 cùng với đà hồi phục của nền kinh tế.

TTCK THẾ GIỚI

Các TTCK thoái lui trước tâm lý lo ngại đà tăng quá nhanh và quá xa

Các chỉ số CK Hoa Kỳ liên tiếp giảm điểm vào đầu tuần sau khi đã tăng mạnh từ những tuần trước nhờ lợi tức TP giảm và kỳ vọng FED sẽ sớm giảm lãi suất. Các chỉ số có mức giảm bình quân 0.3%. Diễn biến tiêu cực cũng ghi nhận trên các TTCK chủ chốt Châu Á như Nikkei 225 và CSI 300 giảm lần lượt 3.5% và 2.4%. Chỉ số DXY hồi phục tăng 0.5% kéo theo sự suy yếu của chỉ số hàng hóa giảm 3.6%. Giá dầu giảm mạnh hơn 4%, gas -8% trong khi các kim loại cũng giảm trên diện rộng (Vàng -1.9%, Chì -5.7%, Bạc -6.2%, Lithium -14.7%). Tuần sau, CPI Mỹ và cuộc họp chính sách của FED, BOE, ECB sẽ là tâm điểm chú ý của thị trường, củng cố cho những dự báo hướng đi chính sách trong năm 2024.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ tháng 11 tăng so kỳ trước nhưng thấp hơn kỳ vọng 221 nghìn đơn trong khi Doanh số bán buôn tháng 10 giảm 1.3% so với mức tăng 2.2% tháng 9. Các dữ liệu vẫn chưa đồng nhất sau những nỗ lực của FED ghìm cương lạm phát. Lợi tức trái phiếu kho bạc các quốc gia chủ chốt như Hoa Kỳ, ECB tiếp tục giảm phản ánh kỳ vọng lãi suất đã đạt đỉnh. Trong tuần qua NHTW Canada quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5% trong khi nội bộ BOJ cũng dần thay đổi quan điểm duy trì chính sách lãi suất âm khi lạm phát lõi tháng 10 tăng 2.9%, vượt mục tiêu trong 19 tháng liên tiếp. Mặc dù các thông tin vĩ mô còn chưa đồng nhất nhưng đỉnh lãi suất toàn cầu đang được củng cố qua đó mở đường cho các chính sách tiền tệ đảo chiều trong năm 2014.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán thuộc danh mục MarketVector Vietnam Local Index, FTSE Vietnam Index Quý 4 năm 2023

Ngày 01/12/2023 FTSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, ngày 08/12/2023 MarketVector cũng đã công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MarketVector Vietnam Local Index, theo đó:

- **FTSE Vietnam Index (ETF FTSE tham chiếu):** Thêm mới cổ phiếu **PDR, NVL** và không loại bỏ cổ phiếu nào;
- **MarketVector Vietnam Local Index (ETF VNM tham chiếu):** Thêm mới cổ phiếu **CEO** và không loại bỏ cổ phiếu nào;
- Đối với bộ chỉ số **FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu):** Kỳ đánh giá lần này không thay đổi cổ phiếu thành phần

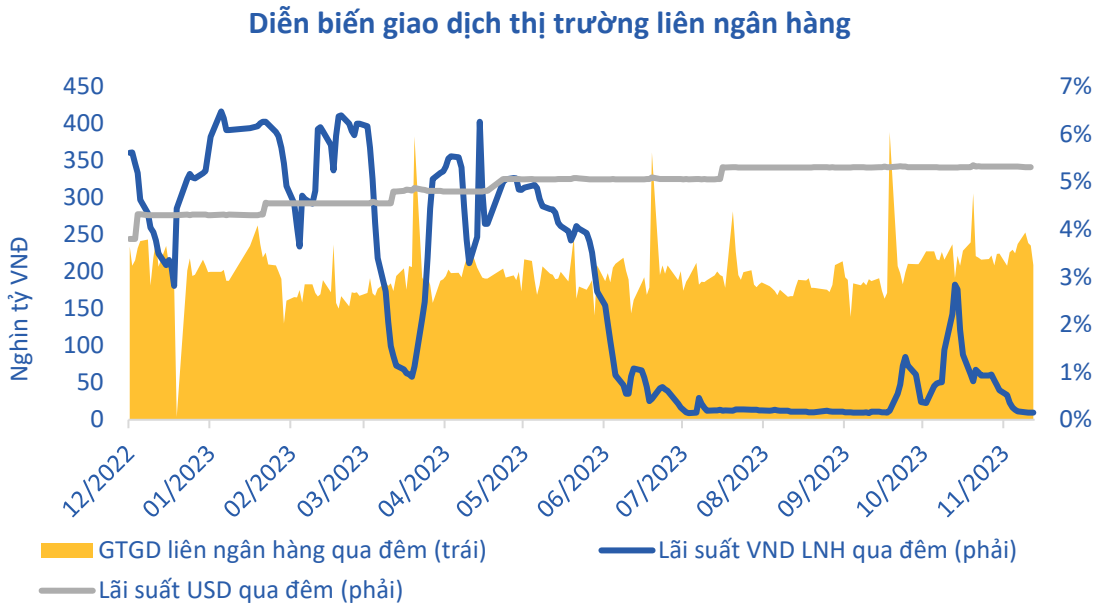
Ngày 15/12/2023 dự kiến sẽ là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục các ETF tham chiếu theo cả 02 bộ chỉ số trên.
Trên cơ sở dữ liệu tại ngày 08/12/2023, BSC Research dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu các bộ chỉ số trên, cụ thể như sau:

DỰ BÁO SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU MUA/BÁN CÁC ETF NGOẠI QUÝ 4/2023										
Mã CK	MarketVector Vietnam			FTSE Vietnam			SLCP mua/bán	KLGD TB 20 ngày gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	Ghi chú
	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán				
VIC	6.23%	8.00%	5,545,063	9.72%	9.40%	(-618,693)	4,926,370	3,780,880	1.30	
VNM	6.75%	8.00%	2,437,571	9.91%	9.35%	344,890	2,782,461	2,362,160	1.18	
NVL	3.63%	3.60%	(-194,451)	0.00%	0.00%	13,486,528	13,292,077	32,652,790	0.41	Thêm mới trong FTSE Vietnam
CEO	0.00%	1.17%	6,747,883	0.00%	0.00%	0	6,747,883	20,111,970	0.34	Thêm mới trong MarketVector Vietnam
SBT	0.89%	0.96%	658,503	2.82%	2.09%	0	658,503	2,143,270	0.31	
PDR	2.04%	1.73%	(-1,459,578)	1.57%	0.00%	4,644,969	3,185,391	15,901,490	0.20	Thêm mới trong FTSE Vietnam
VHM	6.34%	7.00%	2,239,738	11.15%	11.72%	(-1,014,658)	1,225,080	7,773,360	0.16	
KBC	1.65%	1.50%	(-603,370)	2.99%	2.31%	1,603,545	1,000,175	8,367,425	0.12	
VND	4.55%	4.50%	(-298,571)	3.12%	2.69%	2,543,430	2,244,860	30,342,910	0.07	
KDH	0.65%	0.68%	106,000	2.27%	1.70%	0	106,000	1,661,030	0.06	
GEX	1.78%	1.66%	(-709,811)	1.11%	0.99%	1,635,992	926,181	22,070,540	0.04	
DXG	0.86%	0.93%	484,493	11.69%	12.16%	298,609	783,102	23,536,240	0.03	
SHB	2.15%	2.10%	(-638,357)	0.00%	0.00%	759,000	120,642	17,215,760	0.01	
HAG	1.22%	1.18%	(-439,990)	1.67%	1.84%	0	(-439,990)	25,969,430	(-0.02)	
SHS	1.34%	1.23%	(-792,023)	0.00%	0.00%	0	(-792,023)	32,665,420	(-0.02)	
DIG	1.65%	1.57%	(-407,025)	1.16%	1.06%	(-415,985)	(-823,010)	23,664,620	(-0.03)	
VCG	1.28%	1.11%	(-967,653)	8.16%	8.29%	546,787	(-420,866)	8,621,015	(-0.05)	
DCM	0.97%	0.93%	(-170,445)	0.00%	0.00%	0	(-170,445)	3,374,245	(-0.05)	
HSG	0.90%	0.83%	(-432,400)	0.00%	0.00%	(-432,852)	(-865,252)	14,355,990	(-0.06)	
PVS	1.26%	1.14%	(-419,164)	0.00%	0.00%	0	(-419,164)	6,573,177	(-0.06)	
VCI	2.84%	2.79%	(-161,848)	0.00%	0.00%	(-322,942)	(-484,790)	7,487,855	(-0.06)	
TCH	0.98%	0.90%	(-779,299)	0.00%	0.00%	0	(-779,299)	10,565,580	(-0.07)	
HPG	6.94%	6.50%	(-2,137,319)	1.02%	1.14%	36,346	(-2,100,972)	27,413,970	(-0.08)	
VIX	2.57%	2.44%	(-1,009,240)	0.00%	0.00%	(-2,642,043)	(-3,651,283)	41,246,000	(-0.09)	
HUT	2.11%	2.00%	(-684,706)	0.00%	0.00%	0	(-684,706)	6,928,877	(-0.10)	
VHC	1.61%	1.56%	(-92,285)	0.00%	0.00%	0	(-92,285)	830,400	(-0.11)	
EIB	2.03%	1.95%	(-559,071)	0.00%	0.00%	(-899,179)	(-1,458,250)	11,771,130	(-0.12)	
DPM	1.09%	1.14%	197,253	1.33%	1.43%	(-541,683)	(-344,430)	2,005,170	(-0.17)	
HDG	0.58%	0.51%	(-321,382)	0.00%	0.00%	0	(-321,382)	1,518,835	(-0.21)	
SSI	5.89%	5.50%	(-1,609,694)	1.10%	1.06%	(-3,668,040)	(-5,277,734)	23,725,040	(-0.22)	
IDC	1.47%	1.22%	(-669,001)	0.00%	0.00%	0	(-669,001)	2,923,668	(-0.23)	
VPI	1.39%	1.30%	(-228,817)	0.00%	0.00%	0	(-228,817)	989,780	(-0.23)	
PVD	1.04%	0.92%	(-550,053)	2.13%	2.23%	(-1,155,254)	(-1,705,307)	5,441,655	(-0.31)	
POW	1.28%	1.19%	(-1,064,319)	0.98%	1.17%	(-831,685)	(-1,896,004)	5,183,040	(-0.37)	
KDC	1.34%	1.19%	(-326,239)	0.00%	0.00%	0	(-326,239)	822,240	(-0.40)	
HNG	0.49%	0.47%	(-819,587)	0.00%	0.00%	0	(-819,587)	2,011,880	(-0.41)	
VRE	2.12%	2.06%	(-364,975)	13.63%	13.27%	(-1,402,991)	(-1,767,966)	4,095,570	(-0.43)	
SAB	1.98%	1.84%	(-295,020)	1.06%	1.18%	0	(-295,020)	648,640	(-0.45)	
DGC	3.06%	2.45%	(-836,932)	0.00%	0.00%	(-261,753)	(-1,098,685)	2,260,885	(-0.49)	
BVH	0.90%	0.85%	(-174,725)	5.25%	6.41%	0	(-174,725)	323,405	(-0.54)	
VCB	6.32%	6.00%	(-506,556)	7.81%	8.54%	(-334,937)	(-841,493)	1,094,730	(-0.77)	
MSN	4.23%	3.90%	(-666,443)	2.04%	2.25%	(-1,041,709)	(-1,708,152)	2,017,650	(-0.85)	
VJC	1.59%	1.51%	(-103,467)	0.00%	0.00%	(-651,874)	(-755,341)	868,950	(-0.87)	

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	19,995.00	0.00	-19,995.00
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,799.80	0.00	-73,799.80
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,899.80	0.00	-46,899.80
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	64,999.60	0.00	-64,999.60
Tuần 42	16/10/2023	20/10/2023	55,899.70	19,995.00	-35,904.70
Tuần 43	23/10/2023	27/10/2023	25,549.90	73,799.80	48,249.90
Tuần 44	30/10/2023	03/11/2023	58,199.90	46,899.80	-11,300.10
Tuần 45	06/11/2023	10/11/2023	14,999.90	64,999.60	49,999.70
Tuần 46	13/11/2023	17/11/2023	0.00	55,899.70	55,899.70
Tuần 47	20/11/2023	24/11/2023	0.00	25,549.90	25,549.90
Tuần 48	27/11/2023	01/12/2023	0.00	58,199.90	58,199.90
Tuần 49	04/12/2023	08/12/2023	0.00	14,999.90	14,999.90



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.16%	0.36%	0.49%	0.99%	3.47%	5.33%	6.36%
So với tuần trước	0.01%	0.04%	-0.02%	-0.11%	-0.23%	0.50%	-0.10%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	230,672.75	15,189	5,737	5,020	1,677	306	4
So với tuần trước	-9.09%	-7.29%	38.29%	227.80%	-27.38%	23.59%	-68.75%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 30/11/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 49, SBV đã bơm ròng 15 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi trong tuần với thanh khoản giảm.

PTKT VN-INDEX: VN-Index tích lũy tích cực trên SMA200 và chờ cơ hội đồng thuận để bứt phá cản

Đồ thị ngày: VN-Index có một cây nến chỉ hướng vượt qua kênh giá giảm và SMA200 đầu tuần để củng cố xu hướng hồi phục ngắn hạn. Chỉ số sau đó vận động giằng co với những phiên tăng giảm xe kẽ trên SMA200 và đỉnh ngắn hạn tại 1,130 điểm. Dải bollinger band mở rộng và hướng nhẹ lên trên và các chỉ báo kỹ thuật cải thiện ủng hộ cho đà hồi phục trong ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng 49 lên 56 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và vượt mức 0. Thanh khoản tăng 56% so tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA20, SMA 50, 200 và dưới SMA100

Kết luận: Vận động giá của VN-Index cũng đang chệch trên SMA200 cho dù vẫn còn những phiên rũ trong vùng tích lũy. Chỉ số cũng đang khá tích cực với thanh khoản cải thiện. VN-Index cần thêm 1 cây nến chỉ hướng, breakout khỏi kênh giá trên của mô hình ascending triangle tại 1,130 điểm để tăng đến giá mục tiêu từ 1,175 – 1,200 điểm.

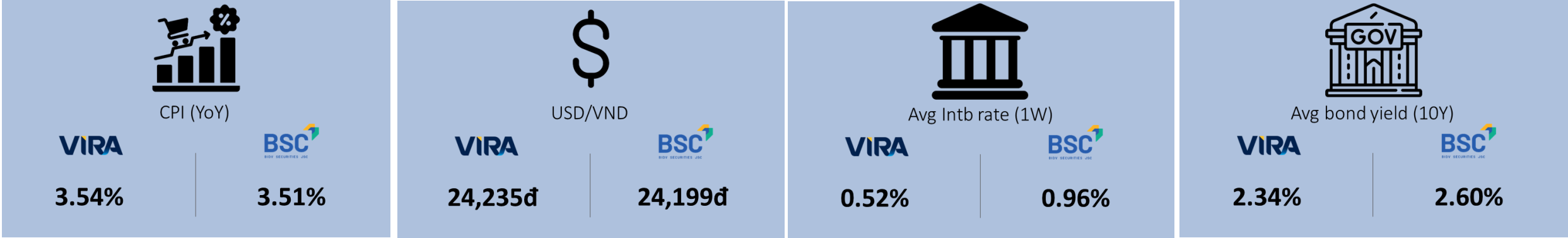
Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Tăng trưởng tín dụng đến 30/11 đạt 9.15%

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ THÁNG 12/2023:



VIỆT NAM:

- Thủ tướng: sáng 7/12 chủ trì hội nghị tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn về tăng trưởng tín dụng cho SXKD, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Hội nghị có sự tham gia của lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các ngân hàng thương mại.
- Thủ tướng: tại phiên họp Chính phủ thường kỳ sáng 6/12 đã nhắc tới một số ngành, ví dụ cụ thể đạt kết quả tích cực trong 11 tháng qua như TTCK thanh khoản tốt, "tăng dần đều", trở nên lành mạnh hơn.
- Bộ Tài chính: đề nghị 21 bộ, cơ quan Trung ương và 30 địa phương khẩn trương hoàn thành việc phân bổ kế hoạch năm 2023 đối với số vốn chưa phân bổ khoảng 16,000 tỷ đồng.
- Bộ Tài chính: giải ngân vốn đầu tư công 11 tháng mới đạt 59% kế hoạch năm. Hiện còn 21 bộ, cơ quan Trung ương và 30 địa phương chưa phân bổ hết kế hoạch được Thủ tướng giao. Vì vậy, các đơn vị cần khẩn trương hoàn thành việc phân bổ kế hoạch năm.
- NHNN: đến ngày 30/11/2023, tín dụng đối với nền kinh tế đạt khoảng 13 triệu tỷ đồng, tăng 9.15% so với cuối năm 2022, thấp hơn so với cùng kỳ các năm. Trước đó, tính đến ngày 22/11/2023, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống mới đạt 8.21%. Như vậy, chỉ trong hơn 1 tuần cuối tháng 11, quy mô tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng thêm gần 1%, tương đương tăng hơn 112.000 tỷ đồng.
- NHNN: đang xem xét nghiên cứu và sẽ có báo cáo Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện Thông tư 02 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Chỉ số PMI dịch vụ tháng 11 là 50.8 như dự kiến (trước đó là 50.6). Chỉ số PMI tổng hợp là 50.7 như dự kiến (trước đó là 50.7). Lạm phát chi phí đầu vào giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 3 năm.
- Hoa Kỳ: cán cân thương mại tháng 10 -64.3 tỷ USD (dự kiến -64.2 tỷ USD; tháng trước -61.5 tỷ USD).
- Hoa Kỳ: việc làm tháng 11 từ ADP tăng 103K so với dự kiến 130K. Trước đó là +113k (điều chỉnh thành +106K).
- Eurozone: Chỉ số giá sản xuất của tháng 10: 0.2% m/m, -9.4% y/y (Dự báo: 0.2 m/m, -9.4% y/y; Trước đó: 0.5% m/m, -12.4% y/y).
- Eurozone: PMI dịch vụ chính thức T11: 48.7 (Trước đó: 47.8). PMI tổng hợp: 47.6 (Trước đó: 46.5). Sự suy thoái của Eurozone hiện đã kéo dài sang tháng thứ 6 liên tiếp nhưng ít nhất tình hình được cải thiện nhẹ trong T11. Điều kiện nhu cầu tổng thể vẫn yếu, áp lực giá cả đầu vào tăng nhẹ trong khi giá đang tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ T5.
- Eurozone: doanh số bán lẻ tháng 10: +0.1% m/m (Dự kiến: +0.2% m/m; Trước đó: -0.3% m/m).
- Đức: chỉ số PMI xây dựng tháng 11: 36.2 (Trước đó: 38.3). Ngành xây dựng Đức tiếp tục suy yếu do nhu cầu nhà ở thấp cùng với sự đình trệ trong hoạt động xây dựng thương mại và kỹ thuật dân dụng.
- Anh: PMI dịch vụ cuối cùng tháng 11: 50.9 (Trước đó: 49.5). PMI tổng hợp: 50.7 (Trước đó: 48.7).

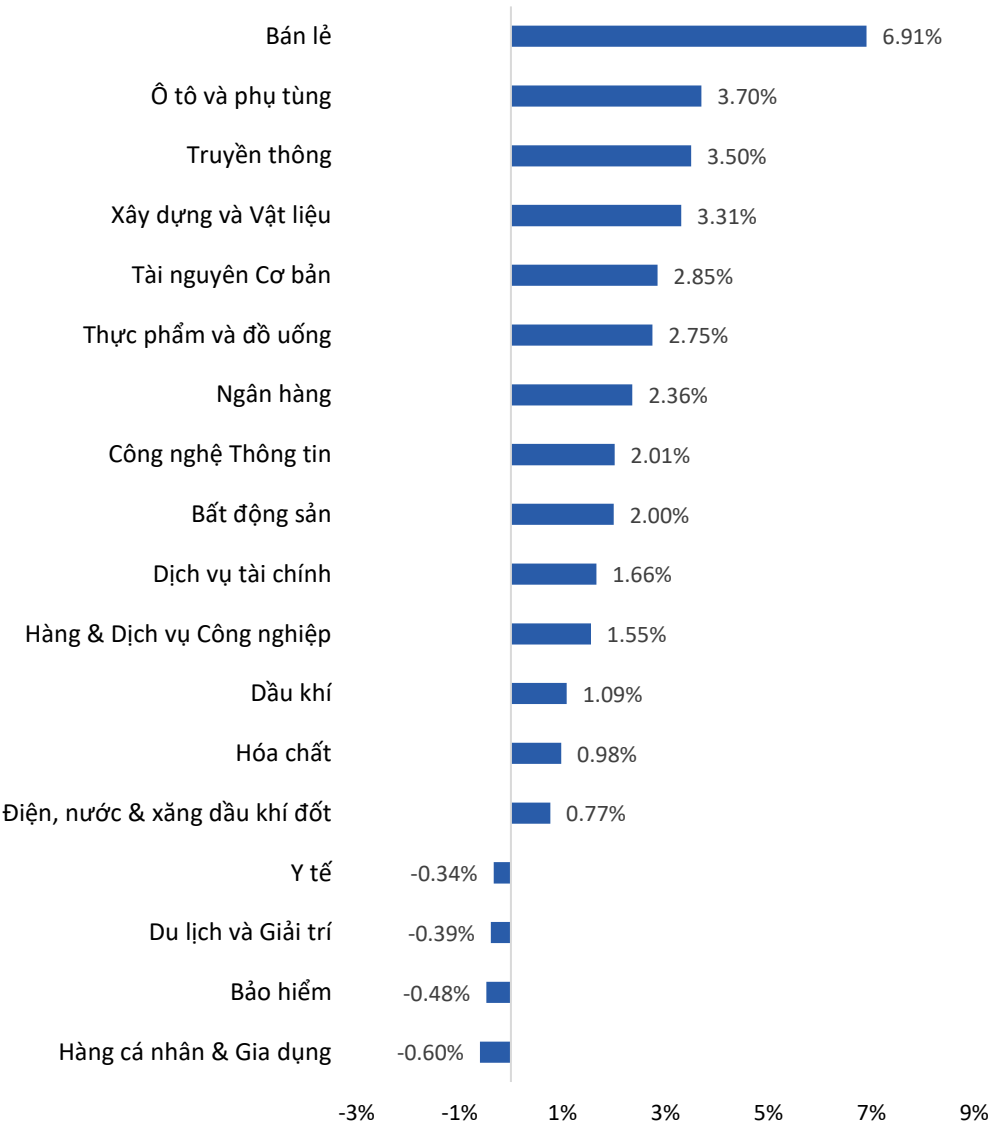
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các ETF FTSE và VNM kết thúc giao dịch cơ cấu danh mục vào 15/12
- 12/12, Tỷ lệ thất nghiệp Anh; CPI tháng và năm của Hoa Kỳ. 13/12, Chỉ số sản xuất công nghiệp, cán cân thương mại, GDP Anh; chỉ số PPI và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 14/12, Cuộc họp FED tháng 12 công bố lãi suất, triển vọng kinh tế Hoa Kỳ; Lãi suất và chính sách tiền tệ NHTW Thụy Sĩ, Anh và ECB. 15/12, Chỉ số sản xuất công nghiệp và bán lẻ Trung Quốc; PMI Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Bán lẻ	2.88%	6.91%	6.35%	MWG	-7.26%	
Ô tô và phụ tùng	0.42%	3.70%	2.94%	VEA	3.31%	0 0.00%
Truyền thông	-2.44%	3.50%	2.86%	YEG	-8.60%	FOC -3.29%
Xây dựng và Vật liệu	-0.52%	3.31%	8.15%	CTD	4.93%	HT1 2.17%
Tài nguyên Cơ bản	0.23%	2.85%	3.30%	HPG	7.49%	HSG 10.20%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	71.23	2.73%	-3.83%	-5.42%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	75.84	2.42%	-3.85%	-4.50%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USD/gal.	204.98	2.43%	-3.36%	-2.88%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2004.67	-1.17%	-3.26%	2.79%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.0006	-3.37%	-9.75%	1.96%	PNJ	
Đậu tương	USD/bu.	1304	-0.59%	-1.58%	-4.52%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	631.75	-1.63%	4.81%	2.47%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.34	-1.51%	0.18%	-5.11%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	237.5	-1.29%	-7.48%	-8.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USD/lb.	23.36	1.43%	-6.90%	-14.15%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	177.15	-0.20%	-3.91%	2.93%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8448.5	1.28%	-1.88%	3.76%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4035	1.08%	2.02%	5.35%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2134	0.07%	-3.40%	-5.72%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	958.5	1.86%	4.53%	9.73%		HPG
Than đá	USD/MT	147.7	1.69%	9.00%	10.22%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	4141	1.52%	2.86%	6.48%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	6.35%	3.19
BCM	11.68%	1.78
MSN	7.64%	1.69
MWG	9.94%	1.42
HPG	2.97%	1.17
TCB	4.03%	1.06
VIC	2.02%	0.82
CTG	2.28%	0.73
VPB	1.55%	0.64
FPT	1.95%	0.58
Tổng		13.09

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-3.06%	-1.37
VJC	-1.14%	-0.16
PNJ	-2.12%	-0.14
BHN	-5.24%	-0.13
STG	-9.81%	-0.13
SJS	-5.22%	-0.11
GVR	-0.50%	-0.10
SBT	-2.88%	-0.07
FRT	-1.84%	-0.07
VCI	-1.18%	-0.05
Tổng		-2.34

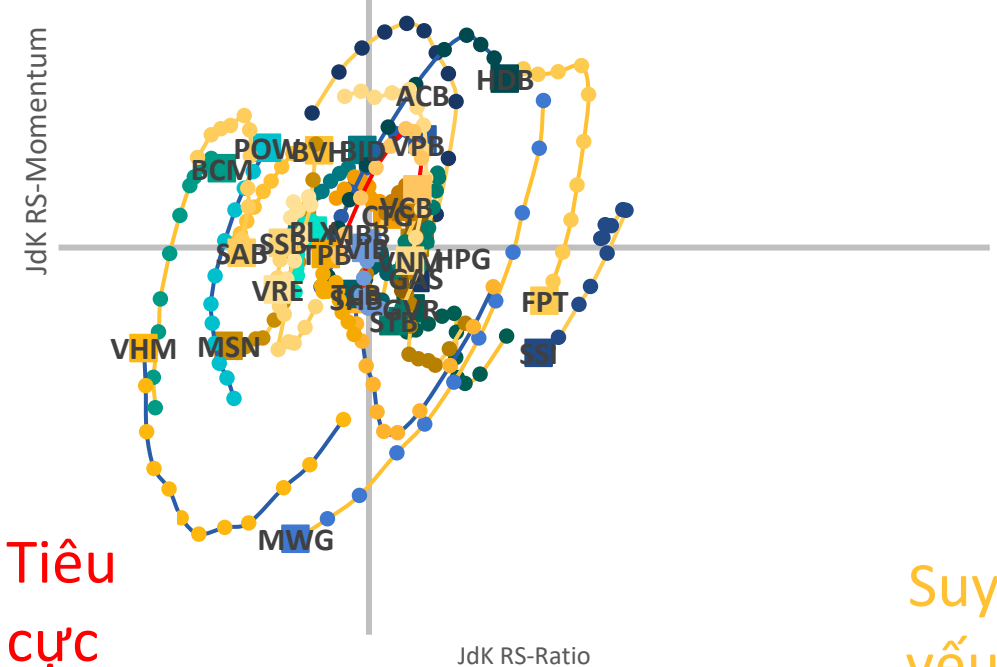
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHC	166.37	0.01
DGC	99.85	16.44
BID	51.66	17.17
OCB	51.12	
KBC	39.58	21.00
TCI	29.09	
IDC	24.71	1.49
NKG	24.03	9.63
CMG	23.50	42.47
VGC	21.55	5.43
Tổng	531.46	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	-978.76	24.89
FUEVFN	-314.96	
VNM	-303.67	55.16
STB	-298.48	23.50
VND	-253.48	22.84
HPG	-248.71	24.81
FUESSVFL	-199.69	
MSN	-183.93	
DXG	-162.33	21.25
SHB	-131.99	6.08
Tổng	-3076.00	

Vận động cổ phiếu VN30			
ACB	103.471	102.7835	-2.86%
CTG	101.2021	100.8425	-14.11%
HDB	108.7749	104.3563	7.00%
HPG	102.9781	100.1195	-9.71%
MBB	103.2819	100.3532	-9.14%
VCB	102.3965	101.0402	-0.56%
VJC	107.7539	105.5524	4.82%
VPB	103.1465	101.4945	-10.20%
BCM	90.53276	102.0389	-18.75%
BID	99.59981	102.5149	-11.89%
BVH	96.80143	102.5045	-13.12%
PLX	96.3986	100.4278	-15.26%
POW	93.4512	102.5691	-20.14%
SSB	94.47754	100.1136	-17.35%
FPT	111.3349	98.61669	5.92%
GAS	103.0219	99.20361	-1.65%
GVR	102.7097	98.42499	-13.15%
SSI	110.9449	97.27417	1.05%
STB	101.584	98.09334	-8.65%
VNM	102.6615	99.65022	-4.89%
MSN	90.98359	97.45614	-22.17%
MWG	95.29279	92.47041	-27.74%
SAB	91.81773	99.86285	-17.92%
SHB	99.18232	98.66519	-16.73%
TCB	99.19473	98.78986	-8.82%
TPB	97.24744	99.82599	-14.85%
VHM	85.49509	97.39741	-33.17%
VIB	99.84438	99.98134	-10.14%
VIC	87.3403	96.10761	-42.14%
VRE	94.14012	98.912	-21.04%

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy yếu

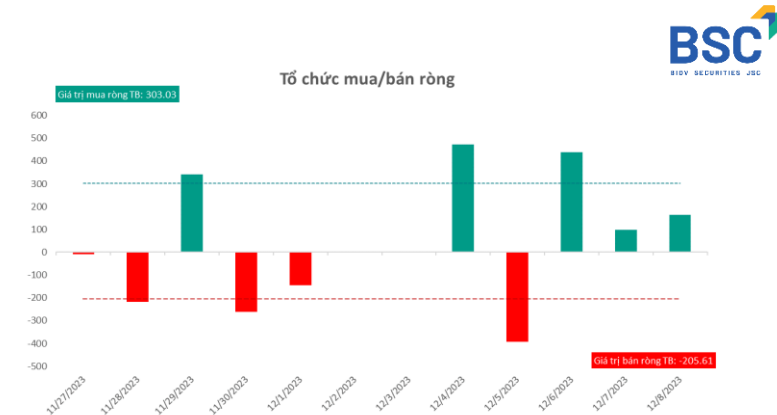
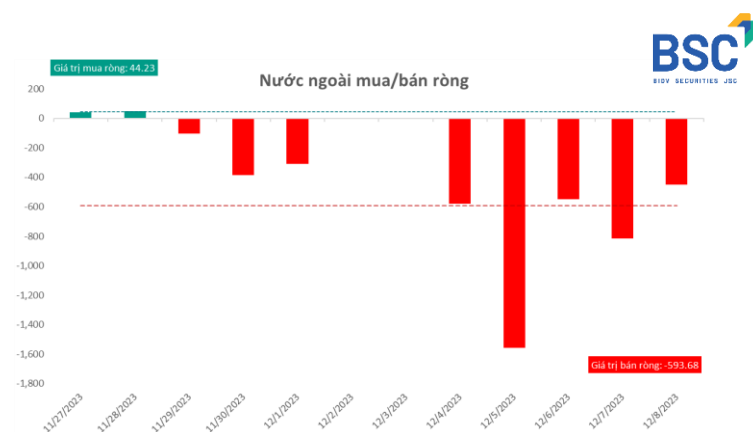
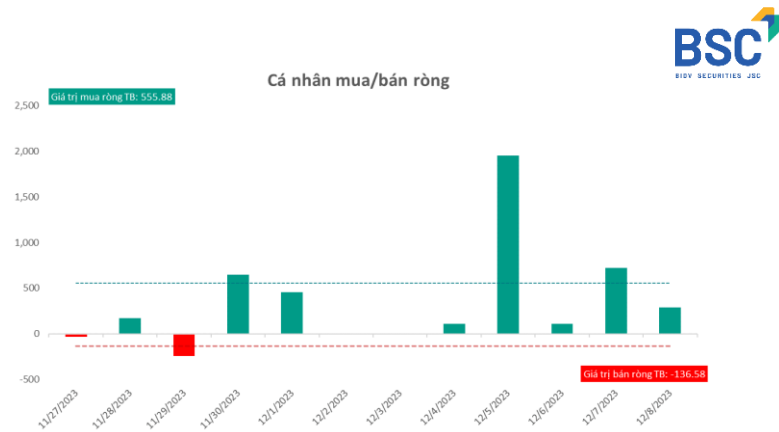
Nguồn: Bloomberg



Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFNVD	14,511,000	366.12	VSC	1,859,000	-54.95	VHC	2,236,600	166.37	VHM	24,370,005	-978.76	VHM	23,784,205	954.70	HDB	8,635,423	-162.37
FUESSVFL	11,805,600	213.89	MBB	1,923,601	-34.92	DGC	1,025,115	99.85	FUEVFNVD	12,467,700	-314.96	STB	11,824,525	334.79	DGC	1,306,815	-127.88
NVL	8,652,000	150.18	GMD	490,400	-34.50	BID	1,254,493	51.66	VNM	4,437,394	-303.67	VNM	4,345,094	296.95	NVL	5,877,588	-108.45
HPG	4,901,900	135.04	STB	1,190,400	-34.19	OCB	3,642,300	51.12	STB	10,549,625	-298.48	VND	10,208,715	230.85	KBC	2,049,810	-66.46
TCB	2,342,188	71.30	ACB	1,058,403	-28.61	KBC	1,222,710	39.58	VND	11,242,615	-253.48	DXG	8,274,930	172.24	VHC	798,800	-62.36
HAH	1,004,000	37.50	FPT	242,803	-28.50	NKG	984,034	24.03	HPG	9,060,493	-248.71	MSN	2,733,211	170.91	EIB	2,826,085	-54.22
HSG	1,371,400	30.49	FRT	220,800	-22.75	CMG	591,510	23.50	FUESSVFL	11,037,790	-199.69	SHB	12,984,605	143.36	BID	1,256,529	-51.79
MSN	328,300	21.14	PNJ	271,500	-21.64	VGC	379,300	21.55	MSN	2,926,757	-183.93	VPB	6,635,379	126.62	OCB	3,496,000	-49.44
TPB	1,087,297	18.96	CII	1,234,200	-21.45	BMP	229,305	20.88	DXG	7,799,530	-162.33	VCB	1,302,460	110.36	MBB	2,155,869	-40.02
MWG	422,700	18.17	CTG	776,200	-20.82	CRE	2,171,361	17.92	SHB	11,954,605	-131.99	VIX	6,160,854	108.20	NKG	1,505,634	-36.30

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	85	-0.20%	0.70	19,571.00	4.10	5,797.00	14.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	41.9	3.20%	1.00	9,840.00	4.20	4,025.00	10.40	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-0.30%	1.00	6,406.00	6.70	1,727.00	11.30	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	31	0.30%	1.20	4,491.00	3.50	5,059.00	6.10	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	-0.30%	1.20	3,909.00	5.60	3,496.00	5.20	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	28.2	-1.20%	0.90	2,190.00	17.10	3,600.00	7.80	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	20	-0.70%	1.80	3,304.00	1.10	714.00	28.10	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	32.6	1.10%	1.50	1,029.00	8.50	4,368.00	7.50	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	49.9	0.00%	1.40	678.00	3.10	3,969.00	12.60	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	55.8	2.00%	1.70	1,031.00	1.70	2,651.00	21.10	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.7	0.40%	1.40	6,636.00	60.20	(328.00)	-84.40	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	39.6	-0.10%	1.30	7,113.00	16.20	10,341.00	3.80	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	2.40%	1.30	2,186.00	5.40	1,588.00	14.70	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.8	0.20%	1.20	1,046.00	1.30	1,280.00	24.80	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.9	-0.70%	1.20	585.00	2.00	1,582.00	23.30	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	97.8	0.60%	1.30	1,530.00	5.90	10,728.00	9.10	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	33.7	0.30%	0.90	543.00	1.80	6,403.00	5.30	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	32.4	-0.60%	1.40	706.00	2.70	4,286.00	7.50	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.6	-0.40%	0.70	7,342.00	2.80	5,567.00	13.90	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.6	1.40%	1.00	1,866.00	0.90	2,125.00	16.80	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38.8	0.00%	1.10	764.00	6.00	1,953.00	19.90	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	0.90%	1.00	653.00	4.70	449.00	63.50	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.6	1.30%	0.90	1,124.00	3.20	602.00	19.30	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	69	0.90%	0.80	5,941.00	10.60	3,935.00	17.50	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	66.2	4.30%	1.50	3,902.00	14.80	916.00	72.30	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	42.6	4.30%	1.40	2,566.00	29.50	1,069.00	39.80	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.6	0.10%	0.70	1,062.00	1.80	5,503.00	14.30	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	74.9	-1.20%	0.60	577.00	3.30	7,080.00	10.60	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	70.4	0.00%	0.90	887.00	1.70	7,470.00	9.40	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	94.2	-0.10%	0.80	4,928.00	6.80	4,573.00	20.60	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	26.9	0.00%	1.00	5,951.00	4.10	3,664.00	7.30	1.10	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.00%	0.90	3,584.00	3.50	3,722.00	6.00	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	18.8	0.30%	0.70	2,234.00	6.10	2,765.00	6.80	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	16.4	2.20%	0.70	1,723.00	6.30	1,410.00	11.60	1.70	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	19.4	0.30%	1.20	2,022.00	3.60	3,534.00	5.50	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.7	-1.40%	1.80	1,089.00	18.70	467.00	46.50	1.80	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17.4	-0.60%	1.10	1,583.00	3.40	2,697.00	6.50	1.30	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	32.6	-0.80%	1.50	2,013.00	24.30	1,090.00	29.90	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	17.4	-1.10%	1.90	228.00	5.40	318.00	54.70	7.00	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	12.2	-0.80%	1.80	-	0.80	445.00	27.40	1.20	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	64.3	-2.10%	1.30	263.00	2.40	681.00	94.40	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.6	-0.30%	1.60	265.00	3.70	919.00	17.00	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	0.00%	1.60	96.00	2.00	482.00	25.60	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	65	0.30%	0.70	2,772.00	1.40	418.00	155.50	3.80	2.70%	1.70%
HUT	KCN	20.9	0.50%	1.60	768.00	6.20	56.00	369.90	5.10	2.00%	1.30%
PHR	KCN	48	-0.50%	1.30	268.00	0.40	6,568.00	7.30	1.90	15.40%	26.90%
SZC	KCN	43	-0.50%	1.80	213.00	1.80	1,405.00	30.60	3.20	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	22.1	-1.60%	1.80	561.00	15.50	(2,105.00)	-10.50	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.4	-0.80%	1.30	195.00	0.10	176.00	70.50	1.00	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	23.3	0.00%	1.90	253.00	12.60	(2,655.00)	-8.80	1.20	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	58.4	-0.80%	0.50	161.00	0.20	5,309.00	11.00	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	26.5	1.10%	1.60	83.00	1.40	1,482.00	17.90	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17.6	0.60%	2.00	1,414.00	12.00	(295.00)	-59.60	0.90	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	20	-2.40%	2.20	503.00	25.50	(317.00)	-63.10	0.90	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	33.4	-1.00%	1.80	186.00	3.20	2,190.00	15.20	2.40	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	26.8	1.10%	1.90	672.00	27.10	152.00	175.70	2.10	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14.4	-0.70%	1.60	149.00	1.60	1,597.00	9.00	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	19	0.50%	1.50	-	3.00	1,596.00	11.90	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	26	-1.10%	0.70	347.00	2.90	2,993.00	8.70	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	33	0.90%	1.10	110.00	0.20	1,353.00	24.40	2.10	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23.6	-0.20%	0.90	116.00	0.20	1,980.00	11.90	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	59.2	2.10%	0.60	997.00	1.30	6,445.00	9.20	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	23.4	-0.20%	2.00	819.00	18.80	384.00	60.70	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.8	0.20%	0.60	295.00	1.30	2,560.00	9.70	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	28.7	-1.00%	1.40	362.00	2.30	2,739.00	10.50	1.40	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	27.5	1.90%	1.60	352.00	1.80	944.00	29.10	1.30	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.4	-0.70%	0.60	189.00	0.20	636.00	21.10	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	9.2	-3.90%	2.10	202.00	4.70	(79.00)	-116.80	0.40	2.00%	0.30%
SAB	F&B	65.6	0.00%	0.70	3,466.00	1.50	3,518.00	18.60	3.40	62.30%	18.70%
QNS	F&B	44.7	-1.10%	0.40	-	1.00	4,965.00	9.00	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	101.1	-0.80%	0.70	567.00	1.10	(327.00)	-308.90	8.60	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	53.2	0.40%	1.60	366.00	4.30	2,984.00	17.80	4.00	23.60%	21.90%
DBC	F&B	25	1.00%	1.90	254.00	7.70	551.00	46.20	1.30	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	27.2	0.90%	1.50	119.00	0.90	837.00	32.50	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	26.2	-0.40%	0.10	155.00	3.00	1,225.00	21.40	2.20	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	31.3	-0.60%	1.50	172.00	1.80	2,162.00	14.50	1.60	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	29.3	-0.70%	0.90	161.00	0.80	1,370.00	21.40	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	36.1	-1.90%	1.50	157.00	3.30	5,742.00	6.30	1.20	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	90.5	0.00%	1.10	426.00	1.00	4,238.00	21.40	6.30	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	19	-1.60%	1.20	89.00	1.50	2,353.00	8.10	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC



THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)	Ngày sinh (*)	
CMTND/CCCD (*)	Ngày cấp (*)	Nơi cấp (*)
Số điện thoại (*)	Email (*)	
Địa chỉ liên hệ (*)		
Tỉnh/Thành phố (*)	Quận/Huyện (*)	Phường/Xã (*)
Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)		

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký